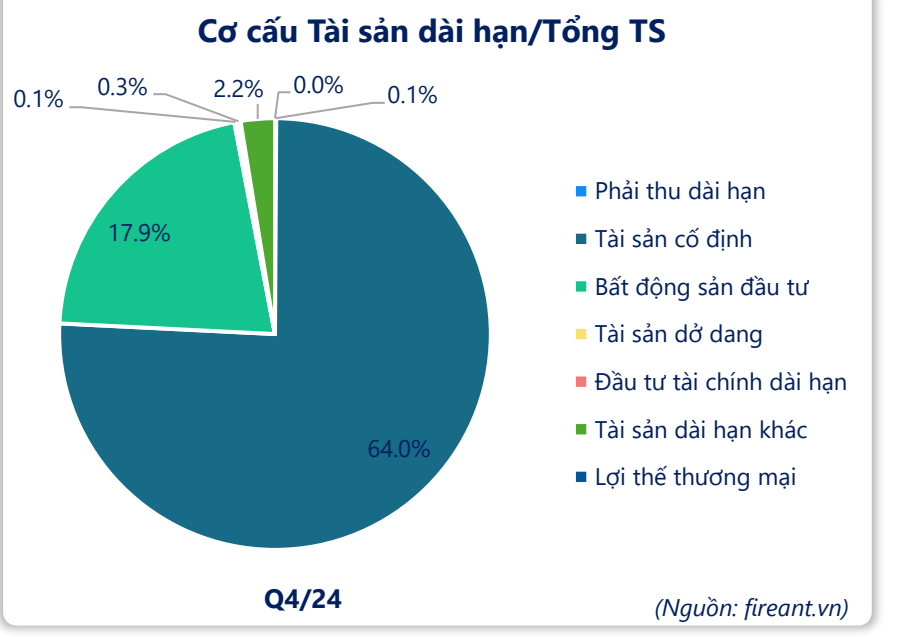
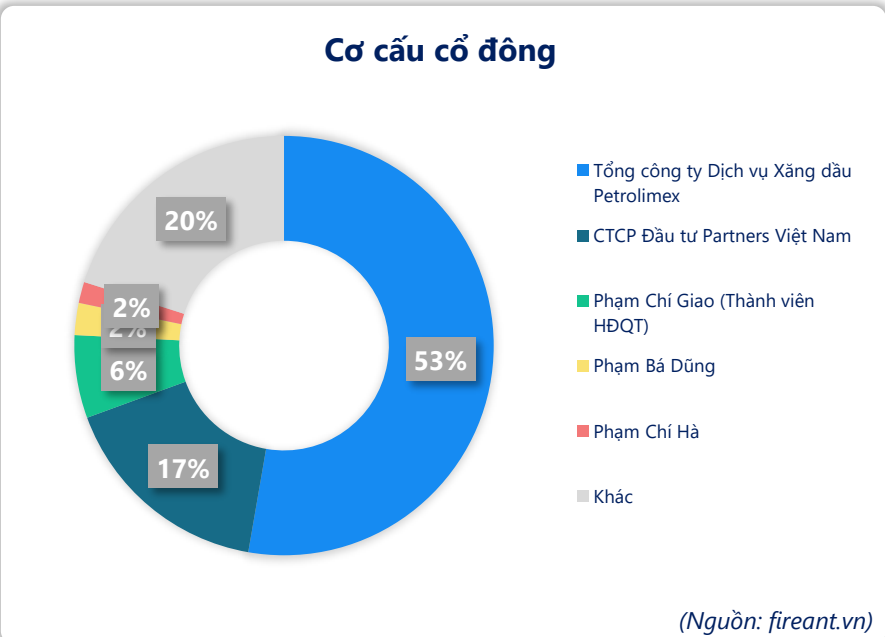
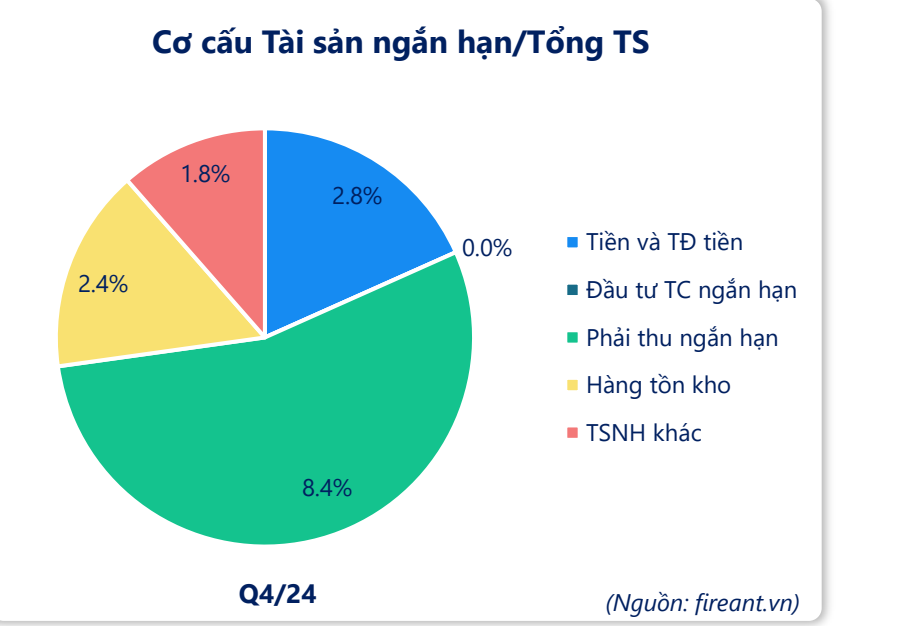
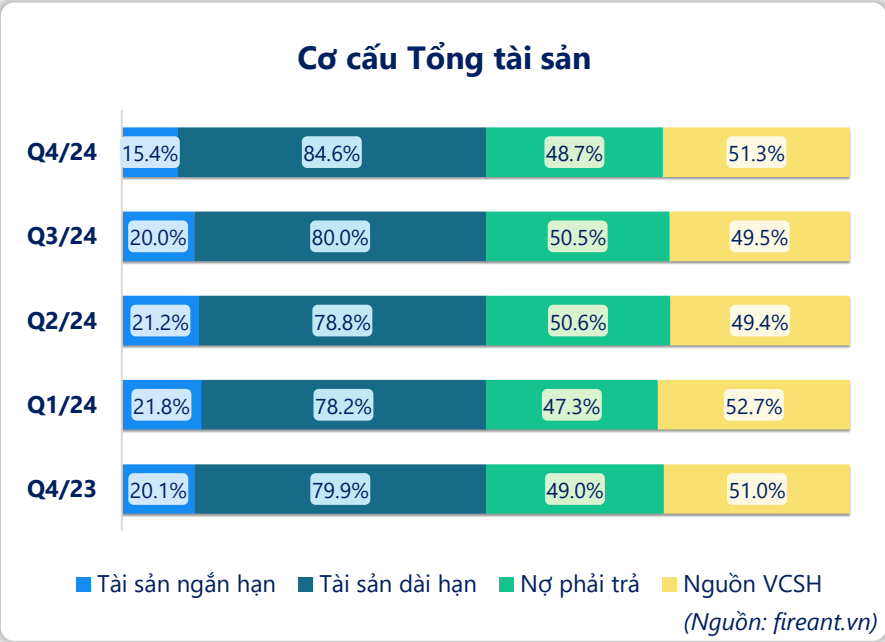
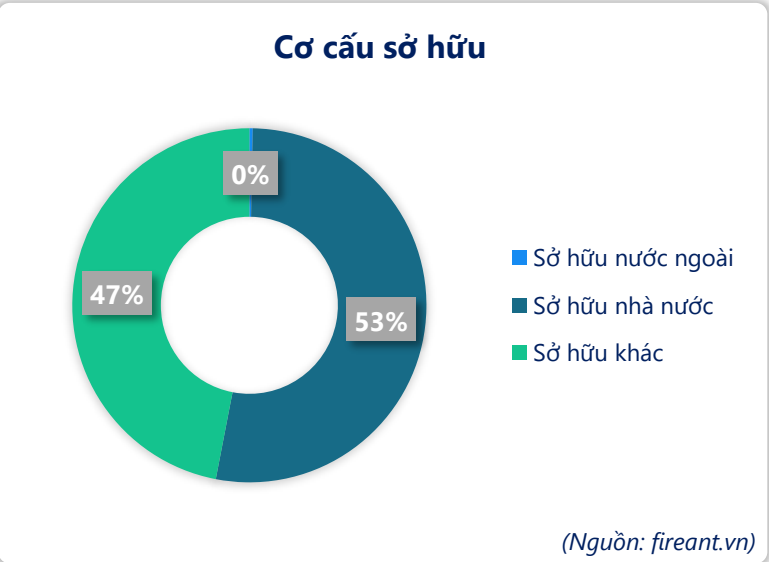
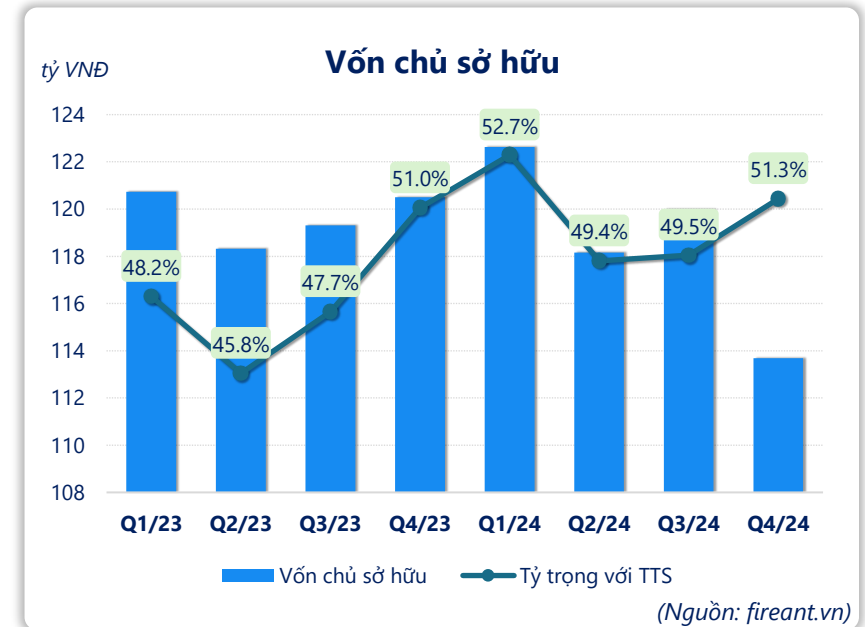
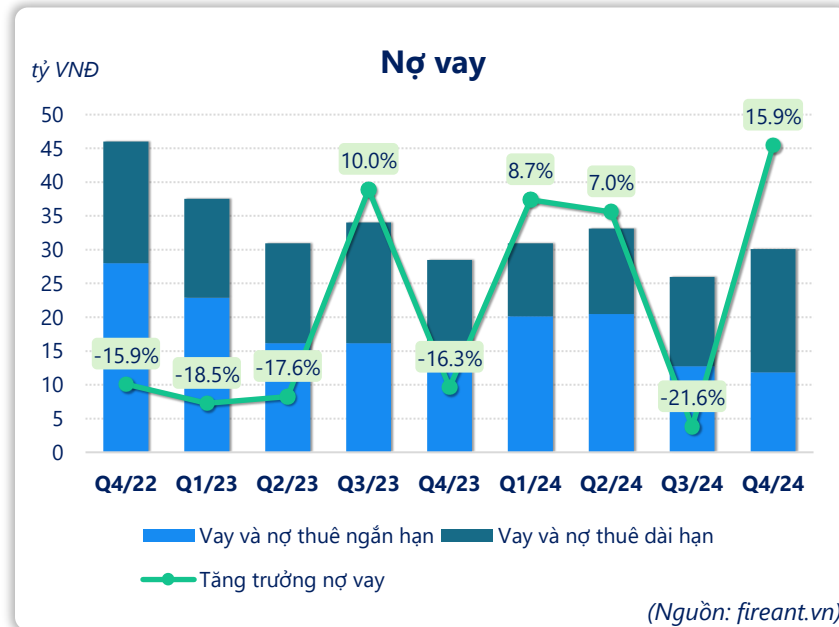
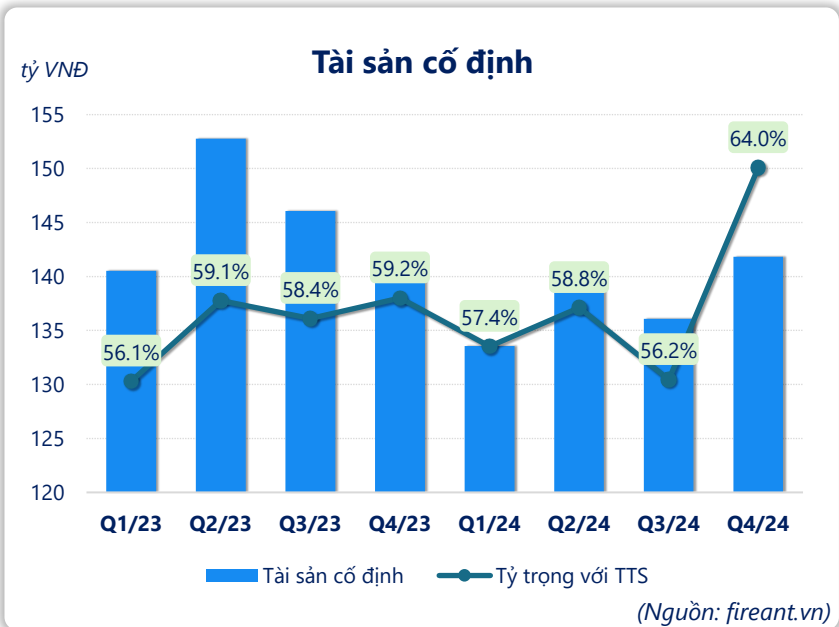
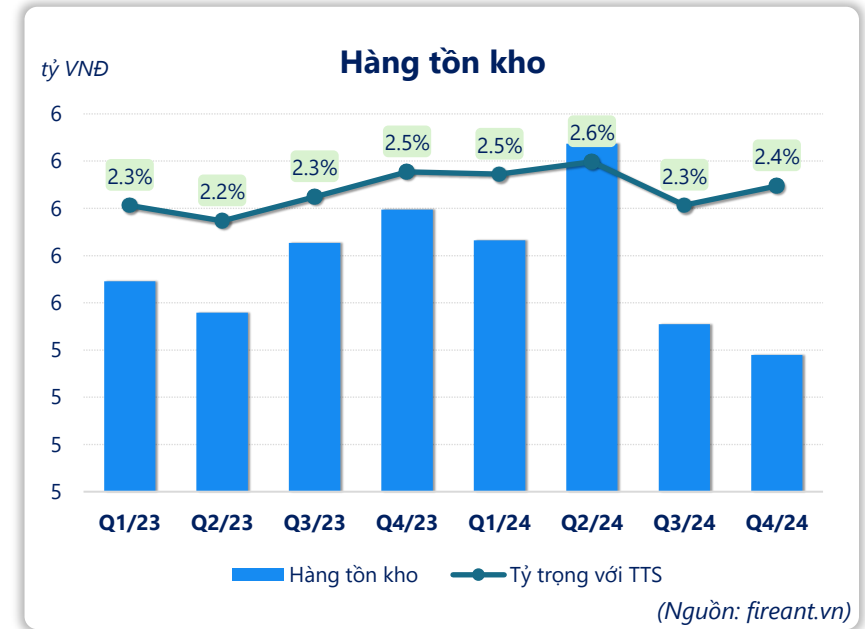
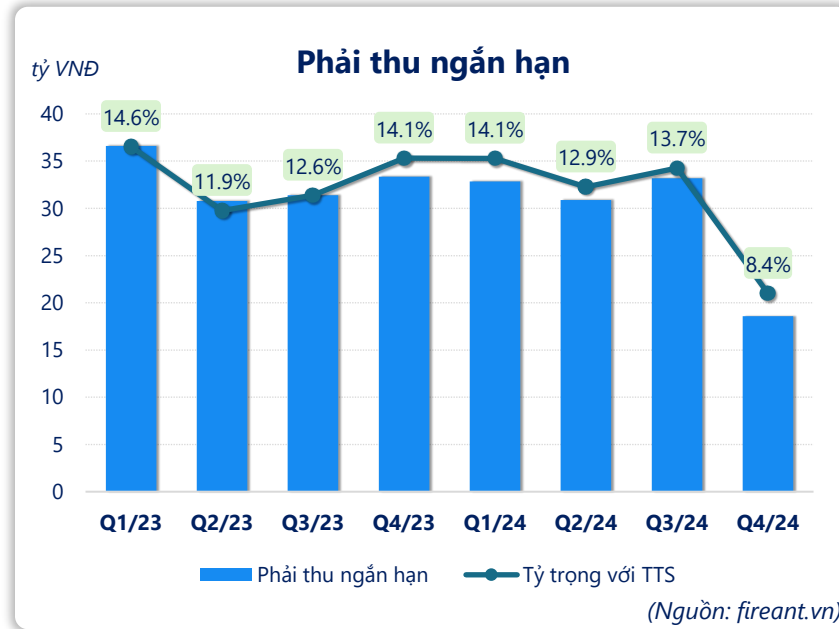
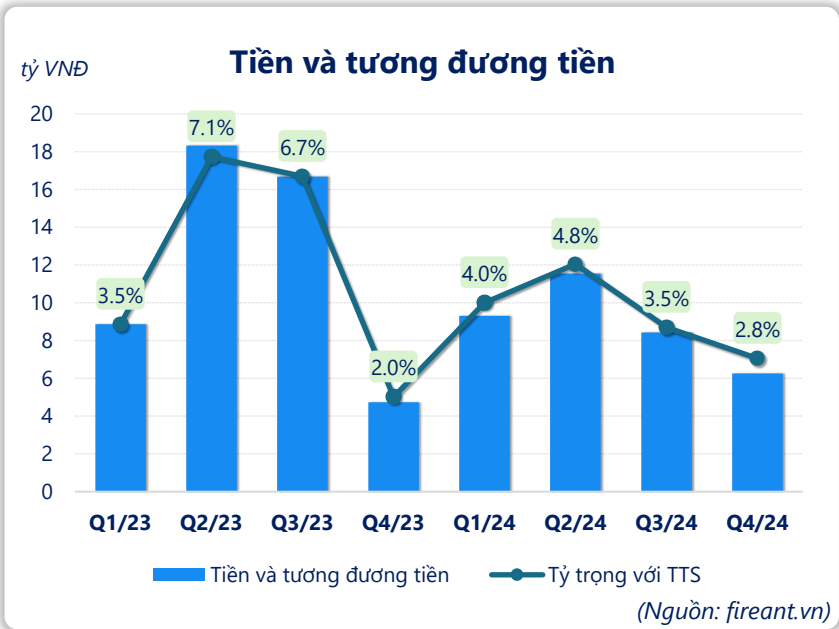
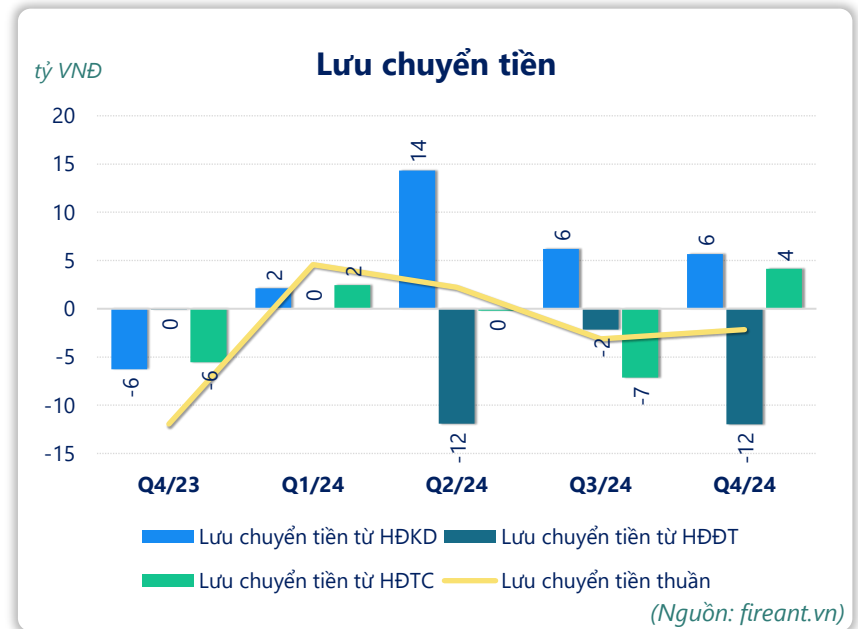
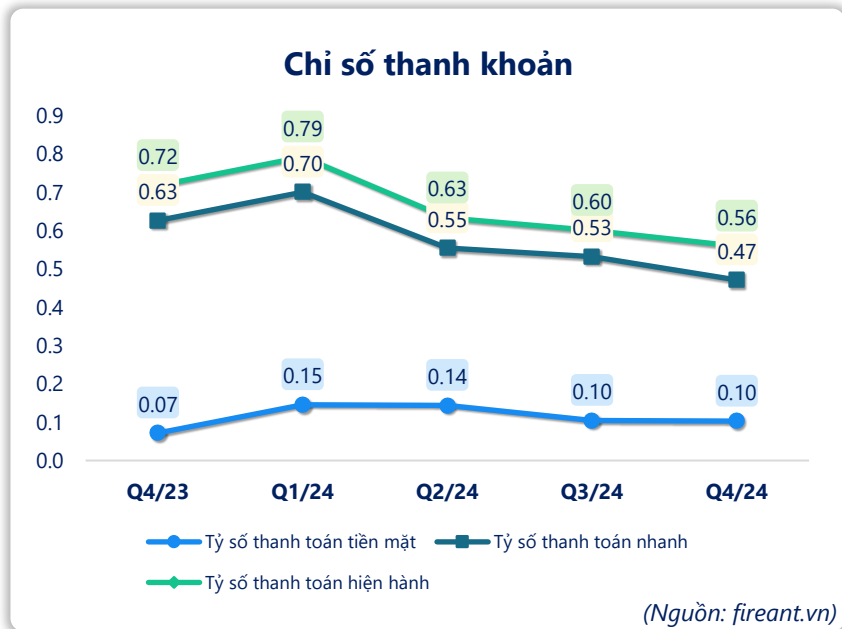
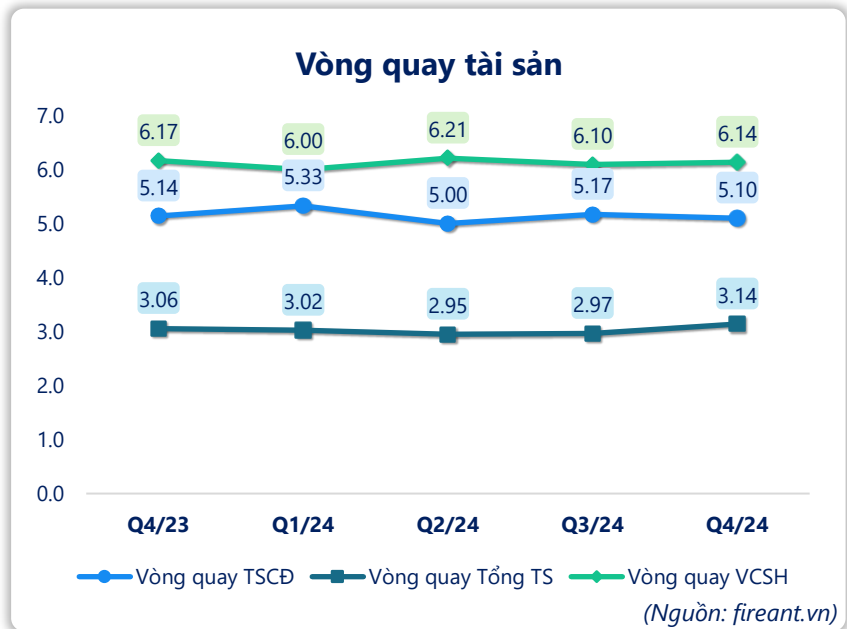
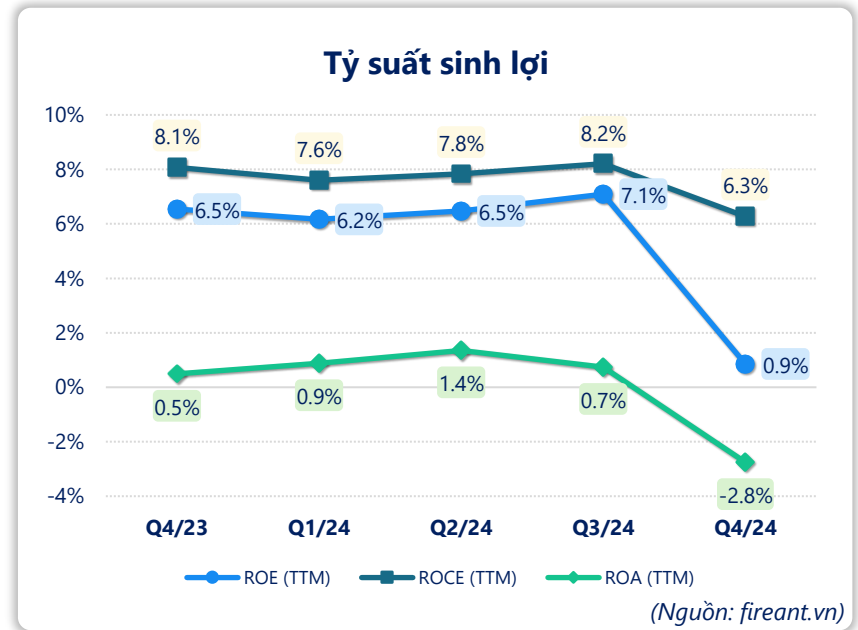
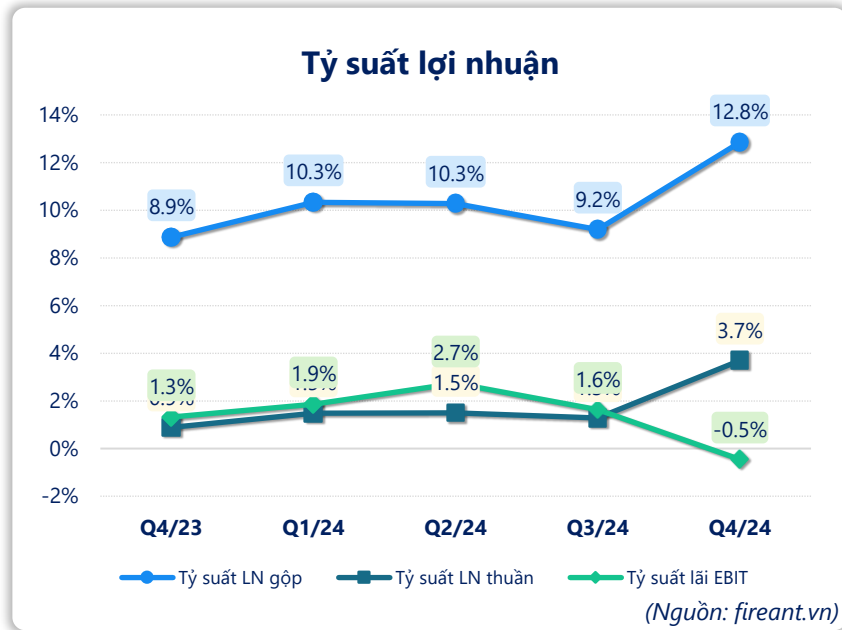
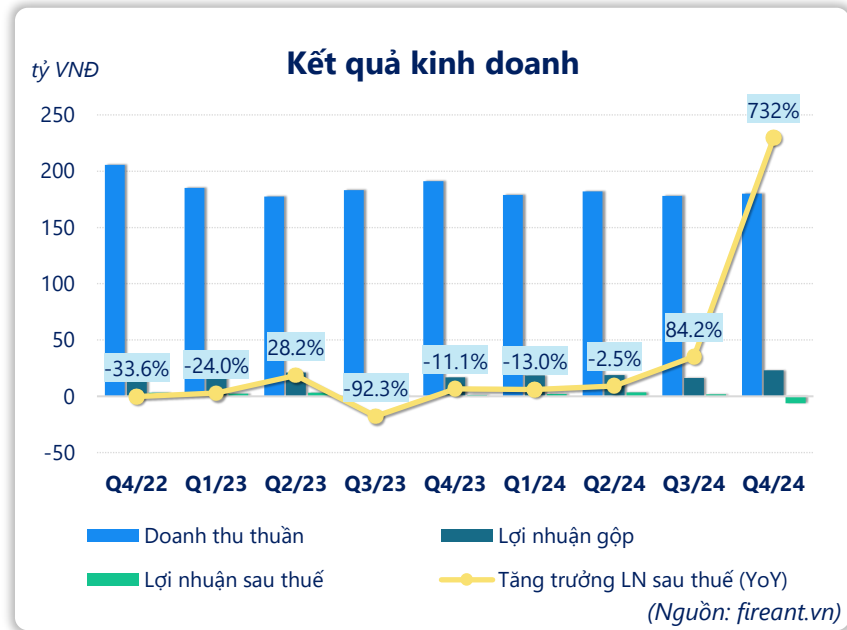


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,031
SL cổ phiếu LH		7,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,210
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		80
P/E		79.8
EPS		139

	YTD	1T	3T	6T
PSC		0.9%	0.9%	-1.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	221	236	-6.2%
Tài sản ngắn hạn	34.1	47.3	-27.9%
Tiền và tương đương tiền	6.25	4.74	32.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	18.6	33.4	-44.3%
Hàng tồn kho	5.38	6.00	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.91	3.26	19.9%
Tài sản dài hạn	187	189	-0.7%
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	4.2%
Tài sản cố định	142	140	1.5%
Bất động sản đầu tư	39.7	41.6	-4.6%
Tài sản dở dang	0.31	1.52	-79.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.57	0.60	-4.9%
Tài sản dài hạn khác	4.79	5.08	-5.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	116	-6.7%
Nợ ngắn hạn	61.0	66.0	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.8	14.1	-16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	31.0	-12.0%
Nợ dài hạn	46.8	49.6	-5.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.3	14.3	27.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	114	121	-5.7%
Vốn chủ sở hữu	114	121	-5.7%
Vốn điều lệ	72.0	72.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	191	179	182	178	180
Giá vốn hàng bán	174	160	163	162	157
Lợi nhuận gộp	16.9	18.5	18.7	16.4	23.1
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.03	0.00	0.00
Chi phí TC	0.68	0.67	0.70	0.62	0.52
Chi phí lãi vay	0.75	0.67	0.58	0.62	0.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.55	6.69	4.72	5.25	6.20
Chi phí QLDN	8.03	8.47	10.6	8.22	9.77
LN thuần từ HĐKD	1.70	2.65	2.73	2.28	6.65
Lợi nhuận khác	0.07	0	1.67	0.00	-8.08
LN trước thuế	1.77	2.65	4.40	2.28	-1.43
Lợi nhuận sau thuế	1.18	2.12	3.36	1.82	-6.30
LNST của CĐ cty mẹ	1.18	2.12	3.36	1.82	-6.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.27	2.10	14.3	6.20	5.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.11	0.00	-11.9	-2.16	-12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.56	2.46	-0.20	-7.15	4.13
Tiền đầu kỳ	16.7	4.74	9.31	11.5	8.43
Lưu chuyển tiền thuần	-11.9	4.57	2.23	-3.11	-2.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	4.74	9.31	11.5	8.43	6.25

(Nguồn: fireant.vn)